TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 171/2018/QĐST–HNGĐ	*Đà Lạt, ngày 16 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 217/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2018 về việc *"Ly hôn"* giữa: Ông Hà Văn C, địa chỉ: xóm C, thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Đ; tạm trú: BX, tòa TB, M Đ, phường Đ, quận B, Thành phố M và bà Ngô Thị Phương D, địa chỉ: số 242H đường Phan Đình P, phường B, thành phố L, tỉnh Lâm Đ.

- Căn cứ các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 55, Điều 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08/5/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Hà Văn C và bà Ngô Thị Phương D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về nuôi con chung:* Giao cho bà Ngô Thị Phương D trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hà Phương Uyên N, sinh ngày 20/11/2015 cho đến khi con đủ tuổi thành niên. Ông Hà Văn C cấp dưỡng cho con 15.000.000đ *(Mười lăm triệu đồng)*/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2018 cho đến khi con đủ tuổi thành niên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền*

phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quyền đi lại thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; Thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về án phí*: Ông Hà Văn C thỏa thuận chịu 150.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (phần án phí ông C phải chịu là 75.000đ và phần án phí bà D phải chịu là 75.000đ) và chịu 150.000đ tiền án phí cấp dưỡng cho con nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số AA/2016/0007945 ngày 13/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Ông Hà Văn C đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đ;
- VKSND Tp L;
- Chi cục THADS Tp L;
- UBND Phường 2, Tp L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Thanh Thủy